

Số: 718 /ĐHKTL-SĐH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận trúng tuyển nghiên cứu sinh năm 2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 5 tháng 4 năm 2010 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên trong Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-ĐHQG ngày 19 tháng 02 năm 2016 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ;

Căn cứ kết quả thi tuyển sinh sau đại học năm 2017 của Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển 48 (bốn mươi tám) nghiên cứu sinh khóa 2017 – 2020. (Danh sách chi tiết đính kèm).

Điều 2. Nghiên cứu sinh có tên tại Điều 1 phải làm thủ tục nhập học theo hướng dẫn trong Giấy báo nhập học. Nghiên cứu sinh không thực hiện đủ thủ tục nhập học hoặc không nhập học đúng hạn sẽ mất quyền học khóa đào tạo 2017 - 2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng các phòng Sau đại học, Kế hoạch - Tài chính, trưởng các khoa có đào tạo sau đại học và nghiên cứu sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, SDH.



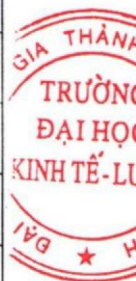
PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH NĂM 2017

(Kèm theo QĐ số: 718 /QĐ-ĐHKTL-SĐH, ngày 11 tháng 7 năm 2017)

STT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI		Ngành
						BV đề cương	Ngoại ngữ	
1	10001	NGUYỄN THỊ ANH	Nữ	23/10/1984	Thanh Hóa	70	XT Ngoại ngữ	Kinh tế học
2	10002	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	10/6/1985	Hà Nội	73	86.00	Kinh tế học
3	10003	NGUYỄN MINH CHÂU	Nam	04/4/1978	Tiền Giang	75.5	77.00	Kinh tế học
4	10004	HUỖNH NGỌC CHUÔNG	Nam	20/01/1990	Bình Định	73	XT Ngoại ngữ	Kinh tế học
5	10005	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆU	Nữ	1986	An Giang	66.5	XT Ngoại ngữ	Kinh tế học
6	10007	NGUYỄN THỊ DIỆU HIỀN	Nữ	17/6/1988	Long An	75.5	87.50	Kinh tế học
7	10008	HOÀNG NGỌC HIẾU	Nam	03/5/1985	Thái Bình	58.3	XT Ngoại ngữ	Kinh tế học
8	10009	NGUYỄN THANH HUYỀN	Nữ	20/12/1982	Thanh Hóa	80	XT Ngoại ngữ	Kinh tế học
9	10010	TRƯƠNG KIM HƯƠNG	Nữ	16/10/1984	Bến Tre	58.3	XT Ngoại ngữ	Kinh tế học
10	10011	PHẠM VĂN KIÊN	Nam	08/11/1973	Hải Dương	69	XT Ngoại ngữ	Kinh tế học
11	10027	NGUYỄN TẤN LỢI	Nam	06/6/1981	Bình Dương	65	XT Ngoại ngữ	Kinh tế học
12	10015	NGUYỄN THANH ĐOÀN	Nam	12/10/1978	Tiền Giang	63	XT Ngoại ngữ	Kinh tế chính trị
13	10016	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	13/03/1979	Hà Tĩnh	80	71.00	Kinh tế chính trị
14	10019	TRẦN THỊ SEN	Nữ	20/11/1987	Hà Tĩnh	76.7	69.50	Kinh tế chính trị
15	10020	TRẦN CAO TÂN	Nam	12/8/1988	Bình Định	60	72.00	Kinh tế chính trị
16	10021	LÊ THỊ HIẾU THẢO	Nữ	14/03/1979	Khánh Hòa	67.5	82.50	Kinh tế chính trị
17	10022	ĐỖ THỊ THU THẢO	Nữ	18/11/1975	Bến Tre	70	XT Ngoại ngữ	Kinh tế chính trị
18	10024	TRỊNH HOÀNG ANH	Nam	06/01/1984	An Giang	71.7	65.50	Quản trị kinh doanh
19	10025	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	16/10/1966	Thanh Hóa	76.5	XT Ngoại ngữ	Quản trị kinh doanh
20	10026	PHÙNG ANH KIẾT	Nam	12/10/1975	TP.HCM	66.5	XT Ngoại ngữ	Quản trị kinh doanh

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI		Ngành
							BV đề cương	Ngoại ngữ	
21	10030	TRẦN THỊ MINH	NGUYỆT	Nữ	14/5/1985	Quảng Ngãi	65.7	XT Ngoại ngữ	Quản trị kinh doanh
22	10031	CHUNG TỬ BẢO	NHU	Nữ	12/03/1991	TP.HCM	81	XT Ngoại ngữ	Quản trị kinh doanh
23	10032	LÊ VINH	QUANG	Nam	16/02/1983	Kiên Giang	62.5	XT Ngoại ngữ	Quản trị kinh doanh
24	10033	ĐẶNG THỊ NGỌC	SƠN	Nữ	11/02/1975	An Giang	73	XT Ngoại ngữ	Quản trị kinh doanh
25	10034	PHÙNG TUẤN	THÀNH	Nam	07/5/1985	Hà Nội	59	XT Ngoại ngữ	Quản trị kinh doanh
26	10035	LÊ THỊ	THOAN	Nữ	20/6/1973	Thanh Hóa	72.5	XT Ngoại ngữ	Quản trị kinh doanh
27	10036	NGUYỄN MINH	TUẤN	Nam	01/9/1981	Kiên Giang	79	XT Ngoại ngữ	Quản trị kinh doanh
28	10037	NGUYỄN ĐỨC	ANH	Nam	10/8/1991	Nghệ An	83.8	XT Ngoại ngữ	Tài chính – Ngân hàng
29	10038	NGUYỄN THỊ XUÂN	HÀ	Nữ	24/02/1984	Khánh Hòa	80	XT Ngoại ngữ	Tài chính – Ngân hàng
30	10039	NGUYỄN VĂN	KHÁNH	Nam	14/8/1982	Long An	90	XT Ngoại ngữ	Tài chính – Ngân hàng
31	10040	LƯU VĂN	LẬP	Nam	30/10/1983	Nam Định	81.2	XT Ngoại ngữ	Tài chính – Ngân hàng
32	10041	TRẦN ĐẶNG THANH	MINH	Nữ	19/12/1992	TP.HCM	80	XT Ngoại ngữ	Tài chính – Ngân hàng
33	10042	BÙI THỊ THU	NGÂN	Nữ	15/12/1983	Bình Định	85	XT Ngoại ngữ	Tài chính – Ngân hàng
34	10044	CAO THỊ MIỀN	THÙY	Nữ	06/8/1988	Quảng Ngãi	87.7	XT Ngoại ngữ	Tài chính – Ngân hàng
35	10045	ĐẶNG ĐĂNG	THU	Nữ	30/8/1983	An Giang	77.7	69.00	Tài chính – Ngân hàng
36	10046	ĐỖ THỊ	BÔNG	Nữ	20/8/1986	Thái Bình	82	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
37	10048	VÕ ĐÌNH QUYÊN	DI	Nữ	15/01/1988	Khánh Hòa	70	73.00	Luật kinh tế
38	10049	MAI HOÀNG ĐỨC	DUY	Nam	08/4/1978	An Giang	79.7	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
39	10051	PHẠM THỊ DIỆP	HẠNH	Nữ	22/01/1981	Hải Phòng	70.3	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
40	10052	GIẢN THỊ LÊ	NA	Nữ	15/6/1985	Nghệ An	85	72.00	Luật kinh tế
41	10053	TRẦN THỊ THU	NGÂN	Nữ	18/6/1980	Đồng Nai	83.3	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
42	10054	NGUYỄN THỊ THANH	NGỌC	Nữ	02/7/1978	Lâm Đồng	81	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
43	10055	LÊ NGUYỄN GIA	PHÚC	Nữ	13/12/1990	TP.HCM	73.3	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
44	10057	NGUYỄN THÀNH	TÂM	Nam	05/4/1969	Đồng Nai	71.6	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
45	10058	TRẦN THỊ TÂM	HẢO	Nữ	12/7/1988	Quảng Nam	80	71.00	Luật kinh tế



B3

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI		Ngành
							BV đề cương	Ngoại ngữ	
46	10060	TRẦN THỊ LỆ	THU	Nữ	02/01/1979	Bắc Cạn	87	67.50	Luật kinh tế
47	10061	BÙI THỊ THU	THỦY	Nữ	02/01/1976	Quảng Ngãi	71.1	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
48	10062	PHẠM THANH	TÚ	Nữ	02/7/1979	Nghệ An	81	60.00	Luật kinh tế

Danh sách có 48 thí sinh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng

